TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2017/DS-PT
Ngày 28 - 8 - 2017
V/v Tranh chấp về thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thuý

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng
Ông Bùi Thế Xương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Duyên – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: ông Đoàn Văn Sơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 123/2017/TLPT-DS, ngày 13 tháng 6 năm 2017 về việc *"Tranh chấp về thừa kế"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2017/DS-ST, ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 134b/2017/QĐPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị N - Sinh năm: 1947; địa chỉ: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Nguyễn Thị N1 - Sinh năm: 1952; địa chỉ: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà Nguyễn Thị N2 - Sinh năm: 1957; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

4. Bà Nguyễn Thị Thu N3 - Sinh năm: 1962; địa chỉ: ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

5. Bà Nguyễn Thị Hồng H - Sinh năm: 1964; địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

6. Anh Huỳnh Duy T - Sinh năm: 1980; địa chỉ: 60/1 V, phường 7, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị Thu N3 và anh Huỳnh Duy T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Hồng H (Văn bản uỷ quyền ngày 11,12,16/11/2016 và ngày 05/12/2016).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thiện S - Sinh năm: 1950 (đã chết).

- *Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn (ông Nguyễn Thiện S):*

1. Bà Lê Thị M - Sinh năm: 1959.

2. Anh Nguyễn Thiện Tiến L, sinh năm 1978.

3. Chị Nguyễn Thuỵ Quỳnh N4, sinh năm 1980.

4. Anh Nguyễn Đăng K, sinh năm 1982.

5. Chị Nguyễn Lê Minh T1, sinh năm 1983.

6. Chị Nguyễn Thị Bích H1, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Lê Thị M - Sinh năm 1959; địa chỉ: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà Lê Thị M, chị Nguyễn Thuỵ Quỳnh N4, anh Nguyễn Đăng K, chị Nguyễn Lê Minh T1 uỷ quyền cho anh Nguyễn Thiện Tiến L tham gia tố tụng.

Chị Nguyễn Thị Bích H1 uỷ quyền cho anh Nguyễn Trung N5, sinh năm 1982; địa chỉ 231/26, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre tham gia tố tụng. (Văn bản uỷ quyền ngày 26/8/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hồng H (bà H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn còn lại bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị Thu N3 và anh Huỳnh Duy T) trình bày:

Ông Nguyễn Hữu M và bà Trần Thị B có tất cả 07 người con là: bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị N5, ông Nguyễn Thiện S, bà Nguyễn Thị Thu N3, bà Nguyễn Thị Hồng H. Ông Nguyễn Hữu M chết vào năm 1992, bà Trần Thị B chết năm 2016, ông M và bà B chết không có để lại di chúc nhưng bà B có khối tài sản là 6.394,7m^2 thuộc một phần thửa 1096, 1097 tờ bản đồ số 05 (hiện nay là thửa 153 tờ bản đồ số 27) tọa tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Phần đất này bà Trần Thị B được công nhận theo bản án dân sự sơ thẩm số: 155/2015/DS - ST ngày 26/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre và bản án dân sự phúc thẩm số: 269/2015/DSPT ngày 18/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre. Hiện nay bà B chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này do trong quá trình thi hành án thì bà B chết và hiện tại thì ông Nguyễn Thiện S và vợ là bà Lê Thị M canh tác quản lý.

Mặc dù bà B chết không để lại di chúc nhưng có để lại tờ "*Truất quyền thừa kế*" với nội dung là sau khi bà B chết thì ông Nguyễn Thiện S không được nhận tài sản của bà. Tài sản của bà sẽ để lại cho 06 người con gái và sau khi bà B chết thì các thành viên trong gia đình có bàn bạc chia phần đất này cho 06 người con gái (đối với bà Nguyễn Thị N5 đã chết sẽ do con trai duy nhất là Hùynh Duy T nhận) nhưng ông Nguyễn Thiện S không đồng ý.

Do vậy, các nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách chia phần di sản của bà Trần Thị B để lại là 6.394,7m^2 thuộc một phần thửa 1096, 1097 tờ bản đồ số 05 (hiện nay là thửa 153 tờ bản đồ số 27) tọa tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre là tài sản chung của các nguyên đơn trong đó phần mà mỗi người nhận là 1.065,7m^2 và các nguyên đơn đồng ý cử bà Nguyễn Thị Hồng H là người đại diện quản lý phần đất này.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Nguyễn Thiện S (ông S đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị M) trình bày:

Ông Nguyễn Thiện S không đồng ý với yêu cầu của các nguyên đơn, cho rằng toàn bộ phần đất mà phía nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế có diện tích 6.394,7m^2 thuộc một phần thửa 1096, 1097 tờ bản đồ số 05 (hiện nay là thửa 153 tờ bản đồ số 27) tọa lạc tại ấp A, xã Long T, huyện C, tỉnh Bến Tre là tài sản của ông bà nội ông để lại cho cha ông và cha của ông (ông Nguyễn Hữu M) cho vợ chồng ông và việc cho đất này đã được sự đồng ý của bà Trần Thị B. Ông S cho rằng toàn bộ phần đất này là tài sản của cá nhân ông chứ không phải là di sản thừa kế do bà Trần Thị B để lại. Do vậy, ông Nguyễn Thiện S không đồng ý chia thừa kế đối với phần đất này.

Đối với việc Tòa án tiến hành thẩm định giá tài sản mà chưa có sự thỏa thuận về giá giữa ông và nguyên đơn là không đúng, vi phạm Điều 104 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do khởi kiện là 06 nguyên đơn nhưng Tòa án chỉ triệu tập 01 nguyên đơn là bà H thì ông không đồng ý. Ông yêu cầu Tòa án triệu tập tất cả 06 nguyên đơn và 02 người làm chứng trong tờ truất quyền thửa kế là ông Đỗ Văn S và bà Lê Thị Thu L.

Các nguyên đơn đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản đối với phần đất tranh chấp mà không yêu cầu xem xét thẩm định, định giá lại.

Riêng ông Nguyễn Thiện S không đồng ý với kết quả nói trên nhưng không yêu cầu xem xét thẩm định, định giá lại.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện C đã đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 48/2017/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2017 đã tuyên như sau:

Áp dụng các điều 609, 611, 612, 613, 614, 616, 623, 624,625, 624, 643, 648, 659 Bộ luật dân sự năm 2015, các điều 147, 157, 165, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị Thu N3, bà Nguyễn Thị Hồng H và anh Huỳnh Duy T.

Chia cho bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị Thu N3, bà Nguyễn Thị Hồng H và anh Huỳnh Duy T mỗi người được 1.065,7m^2 trong phần đất có diện tích 6.394,7m^2 thuộc một phần thửa 1096,1097 tờ bản đồ số 5 (hiện nay là thửa 153 tờ bản đồ 27 toạ lạc tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến tre), có tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp thửa 153 còn lại dài 58.46m.

Phía Nam giáp thửa 188,215, dài 12,73m + 34,49m.

Phía Đông giáp thửa 215, 187, 152 dài 43,65m + 25,73m + 1,88m +33,12m + 15,16m.

Phía Tây giáp thửa 154 dài 44,01m + 50,73m + 6,19m + 9,16m.

(Có hoạ đồ kèm theo).

Ghi nhận việc bà N, bà N1, bà N2, bà N3, bà H và anh T không yêu cầu chia phần đất nói trên thành 06 thửa riêng biệt. Các đương sự có quyền ngang nhau trong việc quản lý, canh tác toàn bộ đất và cây trồng trên phần đất này.

Riêng đối với 52 (năm mươi hai) cây dừa trên 03 năm tuổi, 01 (một) cây sầu riêng trên 02 năm tuổi trên phần đất này mà đã được nhắc đến trong bản án dân sự

phúc thẩm số: 296/2015/DSPT ngày 18/12/2015 của Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Thiện S có nghĩa vụ di dời ra khỏi phần đất nói trên nên không được tính vào số cây trồng mà bà N, bà N1, bà N2, bà N3, bà H và anh T được nhận.

Ghi nhận việc bà N, bà N1, bà N2, bà N3, bà H và anh T thống nhất bà Nguyễn Thị Hồng H sẽ là người đại diện quản lý phần đất nói trên.

Bà N, bà N1, bà N2, bà N3, bà H và anh T có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, kê khai đứng tên (đứng tên chung) phần đất mà các ông (bà) được nhận theo quy định.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, các chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 18/5/2017, ông Nguyễn Thiện S có đơn kháng cáo và ngày 22/5/2017, bà Lê Thị M có đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm anh Nguyễn Thiện Tiến L và ông Nguyễn Trung N4 trình bày vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Hồng H không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông S, bà M, đề nghị Hội đồng xét xử giữ y bản án sơ thẩm.

Quan điểm Viện Kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuyên hủy bản án dân sự sơ thẩm số 48/2017/DS-ST ngày 04 tháng 05 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng và tranh luận tại phiên tòa. Xét kháng cáo của bà Lê Thị M, ông Nguyễn Thiện S và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Thiện S và bà Lê Thị M cho rằng: Toà án nhân dân huyện C đã vi phạm nghiêm trọng tố tụng, vì ông S, bà M có đơn xin hoãn phiên toà ngày 04/5/2017 với lý do ông Nguyễn Thiện S bị bệnh, nhưng Toà án nhân dân huyện C vẫn đưa vụ án ra xét xử vắng mặt. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Toà án nhân dân huyện C đã triệu tập ông S, bà M tham gia xét xử vụ án và văn bản đã được tống đạt hợp lệ (3 lần). Phiên toà ngày 04/5/2017 (lần 3), ông S bà M tiếp tục có đơn xin hoãn phiên toà với lý do như 02 lần được triệu tập trước, không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu của mình nên không được xem là trường hợp bất khả kháng. Toà án nhân dân huyện C tiến hành xét xử vắng mặt ông S, bà M là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu kháng cáo này của ông S, bà M không có căn cứ để chấp nhận.

[2] Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Thiện S và bà Lê Thị M Cho rằng toàn bộ phần đất diện tích 6.394,7m^2 thuộc một phần thửa 1096, 1097 tờ bản đồ số 05 là tài sản của cá nhân ông không phải là di sản thừa kế do bà Trần Thị B để lại. Do vậy, ông S không đồng ý chia thừa kế đối với phần đất này. Tuy nhiên, năm 2014 bà B và ông S có tranh chấp đối với phần đất này. Kết quả giải quyết bà Trần Thị B đã được công nhận phần đất trên theo bản án dân sự sơ thẩm số: 155/2015/DS-ST ngày 26/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre và bản án dân sự phúc thẩm số: 269/2015/DSPT ngày 18/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (**BL 63-75**).

[3] Tại thời điểm bà Trần Thị B chết (năm 2015) thì cha là ông Trần Văn K chết năm 1954, mẹ của bà là bà Bùi Thị G đã chết năm 1942 và chồng bà là ông Nguyễn Hữu M đã chết năm 1992, bà không có cha nuôi, mẹ nuôi và cũng không có con nuôi. Bà có 07 người con là Nguyễn Thị N, Nguyễn Thi N1, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị Thu N3, Nguyễn Thị Hồng H, Nguyễn Thiện S, Nguyễn Thị N5. Bà N5 chết năm 1980, bà N5 có 01 người con duy nhất là Huỳnh Duy T. Căn cứ vào các Điều 651,652 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì các ông bà N, N1, N2, S, N, H là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị B. Riêng anh T là người thừa kế thế vị đối với bà N5.

[4] Trong quá trình thi hành án đối với bản án dân sự phúc thẩm số: 269/2015/DSPT ngày 18/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thì bà B chết và hiện tại phần đất tranh chấp ông Nguyễn Thiện S và vợ là bà Lê Thị M đang canh tác quản lý. Lẽ ra sau khi bà B chết thì những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B phải tiếp tục yêu cầu thi hành án đối với bản án trên theo đúng quy định tại điều 54 Luật Thi hành án dân sự. Sau khi thi hành án xong nếu những người trong hàng thừa kế của bà B có phát sinh tranh chấp thì mới khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của bà B để lại. Bên cạnh đó tờ truất quyền thừa kế của bà B để lại đối với ông Nguyễn Thiện S **(BL 83)** đây là văn bản thể hiện ý chí, nguyện vọng của bà B lúc còn sống, tuy nhiên theo quy định tại khoản 1 Điều 188 Luật đất đai năm 2013 về "điều kiện thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất" thì bà B chưa đủ điều kiện thực hiện quyền để lại thừa kế, tặng cho vì phần đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, các nguyên đơn chưa đủ điều kiện khởi kiện yêu cầu tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Thiện S.

[5] Quan điểm của Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217; khoản 4 Điều 308 và Điều 311 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH ngày27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án;

Cụ thể tuyên:

Huỷ bản án sơ thẩm số 48/2017/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C và đình chỉ giải quyết vụ án.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị Thu N3, Nguyễn Thị Hồng H và anh Huỳnh Duy T mỗi người là 3.693.000đồng (ba triệu sáu trăm chín mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí tương ứng số: 0023160, 0023159, 0023158, 0023157, 0023155, 0023156 cùng ngày 09/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Án phí dân sự phúc thẩm: các đương sự không phải chịu.

Hoàn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Nguyễn Thiện S, bà Lê Thị M mỗi người là 300.000 đồng theo biên lai thu tương ứng số 0023533, 0023532 ngày 24 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre(1b);
- TAND huyện C (1b);
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp(3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hồ Thị Thanh Thuý